

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST

Ngày: 12 - 5 - 2017

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Hân
2. Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên toà: Bà Tổng Lan Hương – Thư ký Toà án nhân dân
Thành phố B, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Nhất - Kiểm sát viên

Từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2017/TLST – KDTM ngày 21/02/2017 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Trụ sở tại B Tower – X Hàng V, quận K, thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H – chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/02/2017) (Có mặt tại phiên toà ngày 05/5/2017)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên toà ngày 12/5/2017: Bà Dương Thị N – chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B (theo văn bản uỷ quyền ngày 11/5/2017) (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH.

Địa chỉ: thôn T2, xã P, huyện L, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 197X

Địa chỉ: tổ X, phường TV, thành phố TN, tỉnh TN (theo văn bản uỷ quyền ngày 22/3/2017) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 198X (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B.

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn M (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/3/2017) (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn M (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/3/2017) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông được Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B uỷ quyền để tham gia tố tụng tại Tòa án theo quyết định số 010/QĐ-QLRR ngày 09/02/2017.

Do nhu cầu sản xuất kinh doanh nên từ năm 2015 đến năm 2016, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH đã ký kết 03 hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B gồm: 01 hợp đồng vay trung hạn và 02 hợp đồng vay ngắn hạn.

Chi tiết các khoản vay như sau:

1. Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số: 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015.

- Số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 10 tỷ đồng, số tiền thực tế cho vay là: 9.210.019.000 đồng.

- Mục đích vay: Đầu tư giai đoạn 2 xây dựng xưởng may và tái cấu trúc dư nợ vay đầu tư dự án.

- Thời hạn vay: 60 tháng

- Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất cho vay kỳ đầu là 11,5%/năm, từ kỳ thứ hai trở đi áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay trung, dài hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Số tiền đã trả: Gốc: 800.000.000 đ, Lãi: 1.204.986.477 đ

- Dư nợ đến hết ngày 23/3/2017 là: Gốc: 8.410.019.000 đ, Lãi+Lãi quá hạn: 241.046.923 đồng.

- Khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/11/2016 do khách hàng không trả được nợ lãi.

2. Các khoản vay ngắn hạn:

2.1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015.

- Hạn mức tín dụng cấp tối đa là 10 tỷ đồng, số tiền thực tế cho vay là: 12.663.041.772 đồng (giải ngân nhiều lần tương đương nhiều hợp đồng tín dụng cụ thể)

- Mục đích vay: Trả tiền lương cho công nhân

- Lãi suất: 9,0%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay: 06 tháng (ngày đến hạn trả nợ gốc tính theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể). Các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/11/2016 do khách hàng không trả được nợ lãi.

- Số tiền đã trả nợ: 10.649.510.992 đồng

- Dư nợ đến hết ngày 23/3/2017 là: 2.080.874.386 đồng, trong đó: Gốc: 2.013.530.780 đồng, Lãi + Lãi quá hạn: 67.343.606 đồng.

2.2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016.

- Hạn mức tín dụng cấp tối đa là 5 tỷ đồng, số tiền thực tế cho vay là: 2.680.000.000 đồng (giải ngân 04 lần tương đương 04 hợp đồng tín dụng cụ thể)

- Mục đích vay: Trả tiền lương cho công nhân

- Lãi suất: 9,0%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay: 06 tháng (ngày đến hạn trả nợ gốc tính theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể). Các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/11/2016 do khách hàng không trả được nợ lãi.

- Dư nợ đến hết ngày 23/3/2017 là: 2.738.960.000 đồng, trong đó: Gốc: 2.680.000.000 đồng, Lãi + Lãi quá hạn: 58.960.000 đồng.

Như vậy, tổng dư nợ của Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ và đầu tư TH tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B tính đến hết ngày 23/3/2017 như sau:

+ Số nợ gốc: 13.103.549.780 đồng

+ Số nợ lãi vay và lãi quá hạn: 367.350.529 đồng

Tổng cộng: 13.470.900.309 đồng

(Bằng chữ: Mười ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu chín trăm nghìn ba trăm linh chín đồng)

Toàn bộ dư nợ nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản sau:

Tài sản 1: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất tại Thôn Đại Phú 2, xã P, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 176983, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T087/8/QĐ số: 1158/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 14/7/2009 cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH, gồm: Nhà xưởng số 1, nhà ăn, nhà kho, phòng kỹ thuật; nhà xưởng số 2; nhà phục vụ sản xuất; nhà bếp, nhà cơ điện; nhà vệ sinh chung; nhà bảo vệ; bể chứa nước cứu hỏa, bể chứa nước sạch; tường rào, rãnh thoát nước, hệ thống cống, cửa sắt; đường bê tông nội bộ; công trình điện 400KVA, nhà nồi hơi, nhà lông, nhà để xe, tháp nước,...theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015.

Tài sản 2: Máy móc thiết bị gồm: Máy may 1 kim; máy vắt sổ; máy đing cúc; máy di bọ; máy may 2 kim; bàn hút; bàn là, dây hơi; máy cắt nhám; máy ép mex; máy đóng đai; máy cắt vòng; máy thừa; máy in phun; máy dập cúc; máy may cạp; máy trần đề; máy sang chỉ; hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống làm mát; tủ bù hạ thế; hệ thống thiết bị phụ trợ, hệ thống PCCC,... theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015.

Tài sản 3: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 799925, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02112, do UBND huyện L, tỉnh B cấp ngày 08/5/2008 tại Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B cho hộ bà Nguyễn Thị Thuý, ông Nguyễn Văn M theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ và đầu tư TH trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh B các khoản như sau:

- + Số tiền gốc còn nợ là: 13.103.549.780 đồng
- + Số tiền lãi còn nợ tính đến hết ngày 23/3/2017 (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) là: 367.350.529 đồng
- + Số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 24/3/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Công ty cổ phần TMDV và đầu tư TH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ của Công ty với Ngân hàng.

Theo bản tự khai ngày 22/02/2017, đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Quá trình hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ đầu tư TH, trong 02 năm 2015 và 2016 Công ty đã ký 03 hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B cụ thể: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016. Công ty xác nhận còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi như trình bày của Ngân hàng trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 là: 13.257.135.389 đồng. Trong đó:

- + Tiền gốc: 13.103.549.780 đồng
- + Tiền lãi: 153.585.609 đồng

Công ty đã họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông bất thường để có phương án sản xuất và thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế hiện tại của Công ty chưa ổn định nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo nội dung Biên bản hoà giải ngày 24/3/2017, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Vũ Thị T1 trình bày: Với tư cách đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH, bà xác nhận đến hết ngày 23/3/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B (Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B) số tiền là:

- + Số tiền gốc còn nợ là: **13.103.549.780** đồng;
- + Số tiền lãi còn nợ tính đến hết ngày 23/3/2017 (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) là **367.350.529** đồng

Tổng cộng: 13.470.900.309 đồng.

Do điều kiện kinh tế của Công ty hiện còn khó khăn, Công ty đề nghị được trả dần số nợ trên cho Ngân hàng. Về phương án trả nợ cụ thể Công ty sẽ họp Đại hội đồng cổ đông để thống nhất.

Theo bản tự khai ngày 22/02/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân C trình bày: Với tư cách là Giám đốc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH, anh xác nhận trong 02 năm 2015 và 2016, Công ty có ký 03 hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B (Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B) cụ thể là: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016. Anh xác nhận số tiền Công ty còn nợ Ngân hàng và các tài sản mà Công ty và bên thứ ba đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng như trình bày trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 của Ngân hàng là hoàn toàn đúng. Hiện nay do Công ty đã ngừng hoạt động nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, anh đồng ý để Ngân hàng phát mại các tài sản mà Công ty đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Với tư cách là thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T – bên thứ ba có tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng: do Công ty không còn khả năng trả nợ nên anh đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của gia đình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Theo bản tự khai ngày 22/02/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông bà xác nhận ngày 18/11/2015, ông bà và gia đình có ký hợp đồng thế chấp tài sản của gia đình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B để bảo lãnh cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, gia đình đề nghị Công ty phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp Công ty không trả được nợ thì đề nghị Công ty dùng tài sản của Công ty đã thế chấp tại Ngân hàng để trả nợ. Trường hợp tài sản của Công ty không đủ

để trả hết nợ cho Ngân hàng thì gia đình sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền Công ty còn thiếu và đề nghị Ngân hàng trả lại sổ đỏ cho gia đình.

Ngày 06/03/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị C đã có văn bản uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn M tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà ngày 05/5/2017, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/5/2017 là: 13.651.513.743 đồng, trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền lãi là 547.963.963 đồng và số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 05/5/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp của Công ty và bên thứ ba tại Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Vũ Thị T1 trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B đối với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH. Tuy nhiên hiện nay do Công ty đã ngừng hoạt động, nội bộ Công ty không thống nhất nên không thể đưa ra phương án trả nợ cho Ngân hàng. Công ty đồng ý để Ngân hàng phát mại các tài sản mà Công ty và bên thứ ba đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C xuất trình cho Hội đồng xét xử 03 tài liệu, chứng cứ gồm: bản gốc Công văn số .../DN-Cty ngày 17/10/2016 của Công ty cổ phần TMDV và đầu tư TH do Giám đốc Công ty Nguyễn Xuân C ký; bản gốc Đơn xin rút tài sản ngày 20/4/2016 của Công ty do Giám đốc Công ty Nguyễn Quang Luyện ký; bản gốc Biên bản cam kết ngày 28/8/2016 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thuý với đại diện Công ty là anh Nguyễn Xuân C – Giám đốc và anh Nguyễn Văn H1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Anh Chính trình bày: Ngày 15/4/2016, Công ty có trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B số tiền khoảng 2.500.000.000 đồng. Anh và gia đình có đề nghị Công ty làm thủ tục rút giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất mà anh và gia đình đã cho Công ty mượn trước đó để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Công ty đồng ý và ngày 20/4/2016 đã có đơn đề nghị rút tài sản thế chấp của gia đình anh gửi Ngân hàng. Tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu này. Anh cho rằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình anh tại thời điểm thế chấp được định giá khoảng hơn 2.900.000.000 đồng nên việc Công ty đã trả vào Ngân hàng số tiền 2.500.000.000 đồng là đảm bảo cho việc gia đình anh được rút tài sản này ra khỏi Ngân hàng. Anh xác nhận việc ngày 18/11/2015 anh ký hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/8077560/HĐTD để bảo lãnh cho Công ty vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Nay anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp của gia đình anh tuy nhiên anh đề nghị Ngân hàng làm thủ tục phát mại tài sản thế chấp của Công ty tại Ngân hàng trước nếu không đủ thì mới phát mại đến tài sản thế chấp của gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thuý và chị Nguyễn Thị C trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B đối với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH. Trường hợp Công ty không trả được nợ, ông đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp của gia đình ông tuy nhiên đề nghị Ngân hàng làm thủ tục phát mại tài sản thế chấp của Công ty trước nếu không đủ thì mới phát mại đến tài sản thế chấp của gia đình ông. Đồng thời ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thẩm quyền ký kết 02 hợp đồng tín dụng giữa Công ty với Ngân hàng cụ thể là: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016. Ông cho rằng việc cá nhân ông Nguyễn Quang Luyện và cá nhân anh Nguyễn Xuân C đứng ra đại diện Công ty ký kết hai hợp đồng nêu trên là vi phạm các quy định trong Điều lệ Công ty về thẩm quyền.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng, trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền lãi là 579.792.649 đồng. Ngân hàng rút yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trường

hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ của Công ty với Ngân hàng.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Bà giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên toà ngày 05/5/2017 và không có ý kiến gì về việc Ngân hàng rút yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên toà ngày 05/5/2017 và không có ý kiến gì về việc Ngân hàng rút yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải ngày 24/02/2017, ngày 08/3/2017).

- Ý kiến giải quyết vụ án: Chấp nhận việc tại phiên toà Ngân hàng rút yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B buộc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng, trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền lãi là 579.792.649 đồng. Trường hợp Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Công ty phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân C xuất trình cho Hội đồng xét xử các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH có đơn xin rút tài sản thế chấp của gia đình anh tại Ngân hàng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị hoãn phiên toà để xác minh, làm rõ các tài liệu, chứng cứ này. Hội đồng xét xử đã thảo luận và xét thấy các tài liệu, chứng cứ nêu trên không có giá trị trong việc giải quyết vụ án đồng thời đã làm rõ các tài liệu, chứng cứ này tại phiên toà nên không có căn cứ để hoãn phiên toà theo đề nghị của ông Minh và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân với pháp nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Theo thoả thuận của các bên tại điểm b khoản 5 các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các bên là Tòa án nhân dân thành phố B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 30; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Trong hai năm 2015 và 2016, Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH đã ký kết với nhau 03 hợp đồng vay vốn gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016. Theo thoả thuận trong 03 hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay tổng số tiền là: 24.553.060.772 đồng. Quá trình từ khi ký kết các hợp đồng này cho đến trước ngày 25/11/2016, Công ty đều thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Tuy nhiên đến ngày 25/11/2016, do điều kiện Công ty ngừng hoạt động nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và 01 khoản nợ gốc đến hạn của các khoản vay phát sinh từ 03 hợp đồng nêu trên. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng sang nợ quá hạn. Đồng thời căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 8 của các hợp đồng tín dụng đã

ký, Ngân hàng có quyền khởi kiện để thu hồi toàn bộ các khoản nợ quá hạn này từ ngày 25/11/2016. Sau ngày 25/11/2016, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn cho Công ty. Công ty và Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để chốt số nợ của Công ty tại Ngân hàng, Công ty cũng đã đưa ra nhiều cam kết về thời hạn trả nợ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện được. Ngày 10/02/2017, Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 việc Ngân hàng khởi kiện Công ty vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/5/2017: Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH thanh toán toàn bộ số nợ phát sinh từ 03 hợp đồng vay vốn gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015, Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016, số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng, trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền lãi là 579.792.649 đồng, thì thấy: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, đủ cơ sở để xác định Công ty có vay của Ngân hàng tổng số tiền là: 24.553.060.772 đồng theo 03 hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 12/5/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng tổng số nợ (gốc + lãi) theo như Ngân hàng đã yêu cầu. Việc bị đơn không thanh toán nợ là vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 7 Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng của các hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán nợ gốc và lãi là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, nên yêu cầu này cần được chấp nhận.

Về yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp trong trường hợp Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH không trả được nợ: Ngày 08/10/2015 và ngày 11/11/2015, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp số 03/2015/7644299/HĐBĐ dùng tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị và toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất tại thôn Đại Phú 2, xã P, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T087/8/QĐ số: 1158/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 14/7/2009 để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B. Ngày 18/11/2015, hộ gia đình ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thuý đã ký Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/8077560/HĐBĐ

dùng tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 799925, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02112, do UBND huyện L, tỉnh B cấp ngày 08/5/2008 tại Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh B để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng. Việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Thủ tục thế chấp được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (bà T); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông M, anh C, bà T (do ông M đại diện theo uỷ quyền), chị C (do ông M đại diện theo uỷ quyền) đều không có tranh chấp gì về các hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng và đều thừa nhận việc thế chấp là đúng. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty, ông M, anh C, bà T (do ông M đại diện theo uỷ quyền), chị C (do ông M đại diện theo uỷ quyền) đồng ý để Ngân hàng phát mại các tài sản mà Công ty và bên thứ ba đã thế chấp. Do vậy, việc Ngân hàng đề nghị phát mại các tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015, Hợp đồng thế chấp số 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015 và Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015 cũng như phù hợp với quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 369 Bộ luật dân sự 2005; Điều 41, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm nên cần chấp nhận.

Về việc tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng rút yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký: Xét thấy việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M liên quan đến thẩm quyền ký kết 02 hợp đồng tín dụng giữa Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH với Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B cụ thể là: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016, thấy: 02 hợp đồng tín dụng nêu trên được đại diện của Công

ty và Ngân hàng ký kết, được công chứng theo đúng quy định của pháp luật và không vi phạm bất cứ điều kiện nào quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 nên 02 hợp đồng tín dụng này là hợp pháp. Việc ông M cho rằng cá nhân ông L và anh C đại diện Công ty ký kết 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là vi phạm Điều lệ Công ty thuộc vấn đề nội bộ của Công ty, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Xuân C đề nghị Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B trong trường hợp Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp của Công ty trước, nếu không đủ để trả nợ thì mới phát mại tài sản thế chấp của gia đình ông M, anh Chính thấy: quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp và thứ tự phát mại tài sản thế chấp là quyền của bên được thi hành án cũng như sự thoả thuận giữa bên được thi hành án, bên phải thi hành án và người liên quan ở giai đoạn thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH phải chịu tiền án phí theo quy định.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 369 Bộ luật dân sự 2005; Điều 41, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015, Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016, số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2017

là: 13.683.342.429 đồng (*Mười ba tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng*), trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền lãi là 579.792.649 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015, Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015, Hợp đồng thế chấp số 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015 và Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015 để thu hồi nợ.

Về án phí: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư TH phải chịu 121.683.342 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.628.567 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng*) theo biên lai số AA/2012/05972 ngày 21/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án (hoặc niêm yết bản án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

Đinh Thị Vân Anh